

Số: **278/2020/QĐST-HNGĐ**

S, ngày 22 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 192/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đàm Thị T, sinh năm 1994.

- **Bị đơn:** Anh Trần Văn B, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Đàm Thị T và bị đơn anh Trần Văn B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Trần Văn T, sinh ngày 09/4/2011 và cháu Trần Đại N, sinh ngày 18/4/2013 cho anh Trần Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đàm Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 750.000đ/cháu/tháng (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng/một cháu/một tháng*).

Phương thức cấp dưỡng theo tháng, kể từ tháng 9/2020 cho đến khi các con chung của anh chị đủ 18 tuổi.

Chị Đàm Thị T được quyền đi lại thăm con chung, không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi anh Trần Văn Bảo có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đàm Thị Tiếp chậm nộp thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đàm Thị T phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003414 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Văn B không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã Đ, P;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Bàn Văn Thế

